

Bản án số: 03/2019/HSPT
Ngày 10/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử Ph thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng
Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành.
Bà Ngô Thị Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự Ph thụ lý số 184/2018/HSPT ngày 05/10/2018 đối với bị cáo Lê Văn D và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HSST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn D** – sinh ngày 08/11/1987; STQ: Thôn 1, xã X.T, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn Đ và Lê Thị N; Có vợ: Bùi Thị Th; Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 27/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc” và phạt 10 triệu đồng, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, ngày 29/04/2014 đã chấp hành hình phạt tiền. Bị tạm giữ từ ngày 17/11/2017 đến ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn Kh** - sinh ngày 24/01/1990; STQ: thôn C.V, xã Th.V, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn Kh và bà Trịnh Thị Đ; Có vợ: Trịnh Thị Q - sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 24/11/2017 đến ngày 30/01/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Duy B** - sinh ngày 15/8/2001; STQ: thôn P.H I, xã X.V, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Duy T và bà Hoàng Thị Th; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Họ và tên: **Chu Đình H** - sinh ngày 12/5/1996; STQ: thôn C.P, xã X.V, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Chu Đình và bà Lưu Thị Th; Có vợ: Nguyễn Thị Th - sinh năm 1994; Chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, ngày 30/03/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định xử phạt 6 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “trộm cắp tài sản”. Ngày 30/3/2017 chấp hành xong hình phạt, ngày 30/03/2016 đã nộp án phí 200.000đ; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Họ và tên: **Đỗ Ngọc T** - sinh ngày 20/6/1989; STQ: thôn Tỉnh thôn 2, xã X.V, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T giáo: Không; Trình độ H vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đỗ Ngọc Thịnh và bà Trịnh Thị Thủy; Vợ, Con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án, ngày 19/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa xử phạt 9 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, ngày 26/11/2017 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 11/5/2017 nộp án phí. Trong thời gian tại ngoại chờ xét xử Ph thẩm, bị cáo tiếp tục phạm tội. Ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử bị cáo về tội “trộm cắp tài sản”, mức hình phạt 18 tháng tù giam nên đang bị tạm giam. Vắng mặt.

6. Họ và tên: **Trịnh Văn Ph** - sinh ngày 28/4/1998; STQ: thôn 7, xã T.T, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trịnh Văn D và bà Nguyễn Thị Đ; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Duy B:*

Bà Lương Thanh V. Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Kh:*

Bà Hoàng Thị Th. Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Các bị cáo không kháng cáo*

Nguyễn Hữu T, Lê Hữu T, Nguyễn Tất Kh, Trịnh Văn T, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Văn P, Lê Khả M và Phạm Ngọc V. Vắng mặt.

- *Người bị hại không kháng cáo.*

1. Anh Lê Mạnh Ph – Sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L.Đ, xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Hiệu Khởi, xã Đông T, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn T – Sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 11/11/2017 Lê Khả M ở thôn Cẩm Vân, xã Th.V, huyện Thiệu Hóa cùng bạn đi hát Karaoke ở quán hát của Trịnh Văn T ở thôn V.Đ, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, trong lúc đang hát M có mâu thuẫn với nhân viên phục vụ quán hát, M dùng cốc đánh nữ nhân viên đó bị thương. Sau đó M bị một nhóm người quản lý nhân viên của Hoàng Huy Ch (Ch Triệu) sinh năm 1986 ở V.Đ, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa gọi sang nhà Ch để giải quyết vụ việc xảy ra. Sau khi sang nhà Ch, Lê Khả M có gọi điện thoại cho Phạm Văn Kh ở thôn Cẩm Vân, xã Th.V, huyện Thiệu Hóa nhờ Kh xuống giải quyết, M nói với Kh là “anh đang bị một nhóm khoảng 6-7 người giữ, xuống mang anh về với”. Kh nghe điện thoại đồng ý xuống để can thiệp giúp M. Phạm Văn Kh, Lê Văn B (là em trai M) cùng B và Phạm Ngọc V đều ở xã Th.V đi trên xe ô tô của B xuống xã Thiệu Phú. Trên đường đi Kh gọi điện thoại cho Chu Đình H ở xã X.V, huyện Thọ Xuân nói anh có ông anh đi hát không biết như thế nào bị hội Ch Triệu bắt lại. Chu Đình H đang ở phòng trọ của Lê Văn D ở khu 5, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân thì H nói với D, anh Kh đang có việc đồng thời đưa máy cho D nói chuyện điện thoại với Kh, Kh nói với D và muốn nhờ D can thiệp, D đồng ý. Lúc này tại nhà trọ của D có Đỗ Ngọc T, Nguyễn Duy B, Chu Đình H, Nguyễn Hữu T, còn Trịnh Văn Ph đang ra ngoài nghe điện thoại, tất cả đều ở Thọ Xuân. D nói với mọi người có mặt là anh Kh dưới Thiệu Hóa có ông anh đang bị bọn nó bắt giữ nhờ anh em mình xuống giải quyết và bảo mọi người đi cùng, tất cả đồng ý. D bảo B vào gầm giường ngủ xách ra 01 bì sắc rằn màu vàng bên trong có đựng dao, kiếm, và tuýp sắt mà D đã chuẩn bị sẵn, B lấy ra để ở trước cửa phòng trọ. Lê Văn D gọi 02 xe taxi đến đón, một xe KIA màu bạc do Nguyễn Hữu Hải ở khu 3, TT Thọ Xuân lái và một xe taxi hãng Mai Linh do Hoàng Xuân Thành, ở xã D, huyện Thọ Xuân lái. Khi xe đến nơi, D xách bao tải đựng dao, kiếm bỏ vào cốp xe taxi Mai Linh. Xe taxi Mai Linh của Thành chở D và Nguyễn Hữu T (T gầy). Xe taxi Ki-A màu bạc của Hải chở Ph, T, B và H. Xe Mai Linh đi trước, xe KI-A màu bạc đi sau, khi đi đến xã Xuân Lai gặp Lê Hữu T (T béo) nên D rủ T đi Thiệu Hóa chơi, T lên xe taxi màu bạc ngồi còn H chuyển qua xe taxi Mai Linh màu xanh ngồi, khi 02 xe đi đến xã X.V đón thêm Nguyễn Tất Khoa, Khoa lên xe taxi Mai Linh ngồi. Sau đó cả hai xe taxi đi đến quán karaoke của Trịnh Văn T ở thôn V.Đ, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa để gặp Phạm Văn Kh, tại quán thì có D vào ngồi nói chuyện với Kh, khoảng 30 phút sau thì Lê Khả M đi ra.

Phạm Văn Kh rủ nhóm của D đi ăn cơm tại quán Trà My tại thị trấn Vạn Hà. Khi ăn cơm nhóm của D có Nguyễn Duy B, Chu Đình H, Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Lê Hữu T, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Tất Khoa. Nhóm của Phạm Văn Kh có Trịnh Văn T, Hoàng Văn Trường, Nguyễn Văn Ph, Phạm Ngọc V, Lê Văn B, Lê Khả M và Lê T T, sau khi ăn cơm xong D cùng những người Thọ Xuân lên xe ô tô ra về. Tại quán ăn, còn lại Kh, T, Trường, Ph, V, M, còn B và T thì lên xe ô tô của B đi trước, khi đang ngồi tại bàn ăn Nguyễn Văn Ph ở xã

Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa nói với Kh “lúc chiều em đi đón B Tây thấy đàn em của Ch Triệu bên ngã Ba chè”, nghe vậy thì Kh có hỏi ý kiến M “giờ làm sao anh” nghe Kh hỏi vậy thì M nói “đánh chết mẹ bọn nó đi”, khi nói thì tất cả những người còn lại là Phạm Văn Kh, Trịnh Văn T, Hoàng Văn Trường, Nguyễn Văn Ph, Phạm Ngọc V ngồi ăn cơm đều nghe. Phạm Văn Kh gọi điện cho H, H nghe máy xong thì đưa điện thoại cho D nói chuyện, Kh nói anh quay lại quán em nhờ chút việc. Sau đó D bảo Thành lái xe vòng xe quay lại, xe taxi kia màu bạc cũng quay đầu xe đi theo xe của D. Xe ô tô đến quán Trà My thì cũng đúng lúc Kh đi ra và nói với D cũng như những người trên xe của D “bọn đánh anh M đang ở máy bắn cá bên ngã ba chè, đi sang bên đó đi”, D đồng ý. Hoàng Văn Trường đi xe máy dream của Kh chở Phạm Ngọc V. Nguyễn Văn Ph đi xe Exciter màu đỏ trắng của Trịnh Văn T chở Lê Khả M, còn Hoàng Văn T đi xe máy Exciter màu xanh trắng của Lê T T chở Phạm Văn Kh dẫn đường sang ngã ba chè. Trên đường đi có người trong xe ô tô nói mua khẩu trang nên Ph và M có ghé vào quán mua khẩu trang để che mặt. Xe taxi chở D đi qua cầu Thiệu Hóa khoảng 200m thì Ph và M ném mấy khẩu trang y tế vào xe. Xe đi đến ngã Ba Chè thì D đi theo nhóm của Kh rẽ phải, đi được khoảng 400m thì thấy nhóm Kh dừng bên tay trái đường và vẫy 02 xe chở nhóm Thọ Xuân dừng lại. Lê Hữu T mở cốp xe ô tô của anh Thành ra. Khi bước xuống xe thì Kh rút một con dao tự chế dài khoảng hơn 1 mét, D cũng rút một con dao tự chế dài khoảng 80 cm, B rút 01 kiếm tự chế dài khoảng 80cm, T cầm 01 tuýp sắt vuông tự chế dài khoảng 80 cm, T béo cầm 01 tuýp sắt vuông tự chế dài khoảng 80 cm, H cầm 01 tuýp sắt dài khoảng 60 cm, Ph và Khoa không cầm gì chạy theo D. D, Kh và B đi trước xông vào quán của Lê Mạnh Ph. Ở trong quán có bàn bắn cá D xông vào bên trái theo hướng vào, còn Kh xông vào từ hướng phải, B cũng chạy theo sau, Chạy vào thì Kh có nói bọn nào đánh anh tao, khi đó Nguyễn T đang đứng bên phải thấy vậy liền chạy vào phía trong phòng xăm, còn Nguyễn Văn T đang đứng bên trái bị D chạy lại chích mũi dao trúng cánh tay dẫn đến bị thương tích ở mặt trong bắp tay phải, sau đó D lao vào phòng xăm lúc đó gặp Lê Mạnh Ph là chủ nhà đang nằm ngủ trên ghế xăm màu đen D vung dao lên chém vào chân phải của Lê Mạnh Ph làm Ph tỉnh ngủ và ngã quỵ xuống đất, D quay sang bên thì thấy Nguyễn T đang đứng gần đó thì D vung dao lên chém một nhát từ trên xuống dưới thì T giơ tay lên đỡ nên trúng vào bàn tay trái đứt rời ngón 2, ngón 3 và đứt gân duỗi ngón 4. D tiếp tục nhìn quay lại thì thấy anh Ph và T đang đối mặt với nhau, D vung dao lên chém vào vai trái của Lê Mạnh Ph. Nguyễn Duy B dùng dao dạng kiếm tự chế cH Vũ M T, sinh năm 1992 ở đội 7, Đông Thanh, Đông Sơn đang trốn dưới gầm ghế xăm mà Ph đang nằm, sau đó đứng dậy vung dao lên chém vào vai Nguyễn T, còn Nguyễn Văn T sau khi chạy vào phòng xăm của Lê Mạnh Ph thì bị một đối tượng vung dao chém vào ngang lưng, diễn biến sự việc diễn ra nhanh khoảng 30 đến 40 giây, Kh, D và B chạy ra ngoài hô những người đang chạy vào chạy đi. D, V chạy ra xe máy DREAM do Hoàng Văn Trường chờ sẵn điều khiển chở D về nhà trọ ở thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân. Phạm Văn Kh được Hoàng Văn T chở bằng xe máy Exciter màu trắng xanh của Lê T T chở tẩu thoát khỏi hiện trường, khi đi được một đoạn

Kh lên xe ô tô màu bạc do Hải lái xe về nhà trọ của Lê Văn D. Những người của huyện Thọ Xuân thì lên 02 xe ô tô về nhà trọ của D. D về đến nhà gặp Kh nói chuyện thì biết là chém nhầm người, các đối tượng ngồi nói chuyện với nhau một lúc rồi tự giải tán.

Người bị hại Nguyễn T, Nguyễn Văn T và Lê Mạnh Ph do bị tấn công bất ngờ từ những người lạ nên không biết ai là người gây thương tích cho mình. Kết quả giám định tại bản kết luận số 531/2018/TTPY ngày 06/12/2017 của trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận vết thương của Nguyễn Văn T: vết thương phần mềm mặt sau cánh tay phải có tỷ lệ tổn thương 8% và vết thương phần mềm ngang thắt lưng tỷ lệ tổn thương 8% (BL696); Kết quả giám định số 543/2017/TTPY ngày 11/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận vết của Nguyễn T: Thương tích ở ngón II, III, IV bàn tay trái là 16% và thương tích ở bả vai trái là 13% (BL687-688); Kết quả giám định số 556/2017/TTPY ngày 20/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh kết luận tỷ lệ thương tích của Lê Mạnh Ph: Thương tích vùng vai trái là 8% và thương tích ở vùng mặt trước 1/3 dưới cằm phải 13% (BL701).

Quá trình điều tra đã xác định:

Bị cáo Lê Văn D đeo khẩu trang, là người trực tiếp cầm dao gây ra những thương tích sau: Vết thương ở mặt sau cánh tay phải của Nguyễn Văn T tổn thương 8%; Vết thương ở ngón II, III, IV bàn tay trái của Nguyễn T tổn thương 16%; Vết thương ở cằm phải của Lê Mạnh Ph, tỷ lệ tổn thương 13% và vai trái của Lê Mạnh Ph có tỷ lệ tổn thương 8% (BL161-220 819-821). Nguyễn Duy B là người lấy công cụ phạm tội từ trong nhà của Lê Văn D để mang đi, khi thấy D rút dao thì B cũng chạy lại rút dao và lao vào nhà anh Lê Mạnh Ph, dùng dao đâm kiếm chém một người trốn dưới gầm ghế là Vũ M T nhưng T không bị thương, sau đó dùng dao chém vào vai của Nguyễn T có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13% (BL288-309; 824-825). Vết thương ở lưng của Nguyễn Văn T thương tích 8% chưa chứng M được ai gây là người trực tiếp gây ra thương tích.

Đối với Phạm Văn Kh đeo khẩu trang, ban đầu Kh khai nhận chém một người bằng súng Dao nên không gây thương tích và có chém một người ngang lưng. Tuy nhiên sau khi thực nghiệm điều tra và thu thập chứng cứ Phạm Văn Kh thừa nhận chỉ chém một người bằng súng Dao. Phạm Văn Kh tuy không phải là người trực tiếp gây ra thương tích cho các bị hại nhưng Kh là người điện thoại cho H và nhờ nhóm của D xuống Thiệu Hóa để giải quyết công việc. Sau khi M được thả, Kh đã mời cả nhóm của D đi ăn, ăn xong thì nhóm của D đã ra về trước, khi này còn nhóm người của Thiệu Hóa thì Kh nghe được Ph nói đàn em của Ch Triệu đang bên ngã ba chè nên Kh đã hỏi M và M đồng ý để Kh đi đánh đàn em của Ch Triệu nên Kh đã gọi điện thoại cho nhóm của D bảo quay lại để sang Ba chè đánh đàn em của Ch Triệu. Kh được T chở sang địa điểm đánh nhau, Kh là người cầm Dao chạy vào trước để các đối tượng khác chạy theo và sự việc gây thương tích đã xảy ra.

Đối với Chu Đình H nghe điện thoại của Kh, sau đó chuyển điện thoại cho D, khi D nói chuyện với Kh xong, D bảo B lấy bì đồ mang ra thì H đã biết mang xuống để giải quyết công việc cho Kh. Trên đường đi H đeo khẩu trang. Đến địa điểm đánh nhau thấy Kh, D, B, cầm dao chạy vào thì H cũng cầm tuýp sắt xông vào mục đích là để hỗ trợ cho D.

Đối với Đỗ Ngọc T, biết D sai B chuẩn bị công cụ, phương tiện để xuống Thiệu Hóa giúp Kh giải quyết công việc. Trên đường đi T đeo khẩu trang, sau khi biết có đánh nhau thì T là người cầm tuýp sắt xông vào mục đích là để hỗ trợ cho anh D.

Đối với Nguyễn Hữu T, tại phòng trọ biết D sai B chuẩn bị công cụ phương tiện xuống Thiệu Hóa để hỗ trợ Kh. Sau khi biết có đánh nhau thì T cũng chạy theo để hỗ trợ cho D.

Đối với Lê Hữu T, lên xe sau nên không biết D chuẩn bị công cụ phương tiện, lúc sang ngã ba chè thì D bảo T mở cốp xe, T mở cốp thấy trong có bao tải đựng dao, kiếm, thấy D, Kh và B cầm dao chạy vào trước nên T cũng cầm tuýp sắt chạy theo để hỗ trợ cho D.

Đối với Trịnh Văn Ph ra ngoài nghe điện thoại nên không biết D sai B chuẩn bị công cụ phương tiện xuống Thiệu Hóa để hỗ trợ Kh nhưng khi biết có đánh nhau thì Ph cũng chạy theo để hỗ trợ cho D, do Ph không đeo khẩu trang nên khi chạy Ph lấy áo trùm lên đầu để tránh bị phát hiện.

Đối với Nguyễn Tất Khoa lên xe sau nên không biết D chuẩn bị công cụ phương tiện lúc nào. Sau khi biết có đánh nhau thì Khoa cũng chạy theo mục đích là để hỗ trợ cho D.

Đối với Phạm Ngọc V, khi ăn cơm nghe thấy Kh nói với M đi đánh đàn mặt đàn em của Ch, sau đó Trường đèo V đi. Đến quán của Lê Mạnh Ph thấy D, B và Kh cầm dao chạy vào thì V cũng nhặt ½ viên gạch ném vào quán nhưng không trúng ai, Sau đó mọi người hô chạy, V và D lên xe Trường chở về nhà trọ của D.

Chu Đình H, Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Phạm Ngọc V, Lê Hữu T, Trịnh Văn Ph và Nguyễn Tất Khoa khi sự việc đánh nhau xảy ra các đối tượng trên đã chạy theo mục đích là để hỗ trợ cho D nhưng sự việc xảy ra quá nhanh (Khoảng 30 giây) nên chưa kịp hỗ trợ, khi có người hô chạy tất cả nhanh chóng tẩu thoát.

Đối với Trịnh Văn T trong lúc ăn cơm biết việc Kh nói với M là đánh đàn mặt đàn em Ch Triệu, T là người chở Kh đi đến địa điểm đánh nhau. T chờ ở ngoài, sau khi Kh cùng nhóm Thọ Xuân gây thương tích xong thì T lại chở Kh tẩu thoát khỏi hiện trường đến nhà trọ của D, sau đó chở Kh từ thị trấn Thọ Xuân về nhà ở xã Th.V, huyện Thiệu Hóa .

Đối với Hoàng Văn Trường trong lúc ăn cơm biết việc Kh nói với M là đánh đàn em Ch Triệu, Trường có thể không tham gia, nhưng Trường lại vẫn đi theo và chở V đi cùng, sau khi Kh cùng nhóm Thọ Xuân gây thương tích xong

thì Trường lại chở V và D tẩu thoát. Sau đó chở V từ Thị Trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân về xã Th.V, huyện Thiệu Hóa.

Đối với Nguyễn Văn Ph là người cung cấp tin đàn em Ch Triệu đang bên ngã Ba chè, dẫn đến việc Kh hỏi ý kiến M đánh dần mặt. Sau khi đồng ý thì Ph và M là người đi cùng cả nhóm và mua khẩu trang để bịt mặt khi đánh nhau. Ph là người biết quán mà đàn em Ch Triệu đang tập trung, Ph chở M đến đúng địa điểm, tuy nhiên các bị can còn lại đến sai địa điểm nên xảy ra sự việc chém nhầm như các bị can đã khai báo ở trên, M và Ph không trực tham gia sự việc cố ý gây thương tích.

Đối với Lê Khả M là người được Kh hỏi ý kiến, vì trước đó M mâu thuẫn với Ch Triệu và bị đàn em của Ch Triệu đánh vào tay, nên khi được Kh hỏi ý kiến thì M đã đồng ý đánh dần mặt đàn em của Ch Triệu và là người chuẩn bị khẩu trang cho các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Được Ph chở đến đúng địa điểm nhưng các bị can còn lại đi sai địa điểm nên M và Ph không trực tiếp tham gia sự việc cố ý gây thương tích.

Trong giai đoạn điều tra tất cả các bị can, trực tiếp là gia đình bị can Lê Văn D, Phạm Văn Kh và Lê Khả M đã hỗ trợ cho gia đình Nguyễn T lần 1 số tiền 50.000.000đ Nguyễn T không yêu cầu các bị can phải bồi thường về mặt dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị can. Bồi thường cho Nguyễn Văn T số tiền 40.000.000đ, hiện nay Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 60.000.000đ, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn D. Bồi thường cho Lê Mạnh Ph số tiền 70.000.000đ, Lê Mạnh Ph đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Văn D, Phạm Văn Kh và Lê Khả M.

Ngày 17/11/2017 bị can Lê Văn D đã đến Công an huyện Thiệu Hóa xin đầu thú, đến ngày 24/11/2017 Phạm Văn Kh đến Công an huyện Thiệu Hóa xin đầu thú. Tại cơ quan điều tra các đối tượng thành khẩn khai nhận hành vi phạm của mình. Bị can Lê Văn D và Phạm Văn Kh đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đối với người bị hại.

Quá trình điều tra, thu giữ 03 xe mô tô: xe dream BKS 36B3-561.38 của Phạm Văn Kh mượn của anh Nguyễn Văn Hiệp; xe Exciter BKS 36B4-784.52 Ph mượn của Trịnh Văn T và của xe Exciter BKS 36B5-562.76 Nguyễn T T mượn của anh Nguyễn Quang Sơn dùng làm phương tiện đi đến địa điểm đánh nhau. Tuy nhiên anh T, T và anh Hiệp không biết các đối tượng trên sử dụng xe vào mục đích gì nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Còn lại:

- 01 (một) điện thoại di động có chữ NOKIA (bàn phím) màu xanh - đen đã qua sử dụng; số IMEI: 352709/90/257671/0; Số CODE: 0593458. Seri 355926041719383 là của ai?.

- 01 (một) điện thoại di động có chữ NOKIA (bàn phím) màu đen đã qua sử dụng; số IMEI1: 356004085816561; IMEI2: 356004085816579; Số CODE: 059Z0X7;

Hai điện thoại trên thu của Lê Văn D và của H.

- 01 (một) điện thoại có chữ NOKIA 105 màu đen (Loại bàn phím) số IMEI: 357328082705439, Số CODE: 059Z166 thu của Phạm Văn Kh;

- 01 (một) ống tuýp kim loại hình hộp vuông màu xám, kích thước 2x2cm, dài 77 cm;

- 01 (một) ống tuýp kim loại hình tròn màu xám, đường kính 2,8cm, dài 66cm;

- 01 (một) ống tuýp kim loại hình tròn màu xám, đường kính 2,8cm, dài 75cm;

- 01 (một) ống tuýp kim loại hình vuông màu xám, kích thước 2.5x2.5cm, dài 81cm;

- 01 (một) dao tự chế, cán dao bằng ống tuýp kim loại hình tròn dài 91 cm, đường kính 2,8cm, lưỡi dao dài 27cm, đầu dao vuông, lưỡi dao rộng nhất 6cm, hẹp nhất 3.5cm;

- 01 (một) dao tự chế, cán dao bằng ống tuýp kim loại hình tròn dài 60cm, đường kính 2,8cm, lưỡi dao dài 34cm, đầu dao vuông, lưỡi dao rộng nhất 6.5cm, hẹp nhất 3cm, lưỡi dao đã bị hoen gỉ, đầu dao vuông;

- 01 (một) kiếm có cán bằng gỗ dài 20 cm, bên ngoài có cán bọc 05 vòng tròn màu đồng, đường kính 04 cm, lưỡi kiếm dài 46 cm, , bao kiếm màu hồng dài 54cm.

- 02 (hai) dép xỏ ngón màu vàng, kích thước 26cm, rộng 10cm dép có dính chất lỏng màu đỏ nghi là máu;

- 01 (một) viên gạch màu vàng, loại gạch chỉ làm bằng chất liệu đất nung kích thước 21x10x6cm, gạch có hai lỗ rỗng hình ống tròn, đường kính 2cm, bị vỡ ¼ mặt phía trên;

- ½ viên gạch chỉ màu vàng kích thước 13x10x6cm;

Những vật chứng trên được Chu Đình H và Đỗ Ngọc T giao nộp.

Hiện nay được quy trữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 22 tháng 05 năm 2018 giữa công an huyện Thiệu Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

* Tại bản án HSST số 17/2018/HSST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn D, Phạm Văn Kh, Nguyễn Duy B, Chu Đình H, Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Lê Hữu T, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Tất Khoa, Trịnh Văn T, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Văn Ph, Lê Khả M, Phạm Ngọc V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điều b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 (áp dụng thêm Điều 74 BLHS đối với bị cáo B) đối với bị cáo Lê Văn D, bị cáo Phạm Văn Kh, bị cáo Nguyễn Duy B.

Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Văn D: 36 (ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi 80 ngày tạm giữ, tạm giam (tạm giữ từ ngày 17/11/2017 đến ngày 26/11/2017, tạm giam từ ngày 26/11/2017 đến ngày 05/02/2017). Bị cáo còn phải chấp hành 33 tháng 10 ngày tù.

2. Bị cáo Phạm Văn Kh: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi 68 ngày tạm giữ, tạm giam. (tạm giữ từ ngày 24/11/2017 đến ngày 03/12/2017, tạm giam từ ngày 03/12/2017 đến ngày 30/01/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 22 ngày tù.

3. Bị cáo Nguyễn Duy B: 22 (hai hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điểm b Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53, Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Chu Đình H, Đỗ Ngọc T.

Xử phạt:

4. Bị cáo Chu Đình H: 27 (hai B) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Bị cáo Đỗ Ngọc T: 27 (hai B) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 47, Điều 33, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 đối với bị cáo Hoàng Văn Tr và Lê Hữu T.

Xử phạt:

6. Bị cáo Hoàng Văn Tr: 15(mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Bị cáo Lê Hữu T: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điểm b Khoản 1,2 Điều 46, Điều 60, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999(áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 cho bị cáo M) đối với bị cáo Lê Khả M, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Tất Khoa.

Xử phạt:

8. Bị cáo Lê Khả M 27 (hai B) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 tháng từ ngày tuyên án.

9. Bị cáo Nguyễn Hữu T 24 (hai bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

10. Bị cáo Nguyễn Tất Kh 24(hai bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

11. Bị cáo Trịnh Văn Ph 24 (hai bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 47 Điều 60, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 đối với bị cáo Trịnh Văn T, Nguyễn Văn Ph, Phạm Ngọc V.

Xử phạt:

12. Bị cáo Trịnh Văn T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

13. Bị cáo Phạm Ngọc V 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

14. Bị cáo Nguyễn Văn Ph 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chế định án treo, bồi thường dân sự, tang vật, về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại.

** Sau khi xét xử, các bị cáo có kháng cáo như sau:*

- Ngày 04/9/2018 bị cáo Lê Văn D kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt do cấp sơ thẩm chưa áp dụng hết tình tiết giảm nhẹ, gia đình có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt...

- Ngày 04/9/2018 bị cáo Phạm Văn Kh kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo do cấp sơ thẩm chưa áp dụng hết tình tiết giảm nhẹ, gia đình có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt...

- Ngày 05/9/2018 bị cáo Chu Đình H kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 07/9/2018 bị cáo Nguyễn Duy B kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 11/9/2018 bị cáo Trịnh Văn Ph kháng cáo: Không biết và không tham gia đánh nhau nên bị oan.

- Ngày 12/9/2018 bị cáo Đỗ Ngọc T kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên tòa:** - Các bị cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị:

1. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn D:

Bị cáo D là người chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp gây thương tích, bị cáo dùng hung khí gây thương tích cho anh Ph và anh T, do đó bị cáo giữ vai trò đầu vụ án. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đầu thú do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt. Bị cáo có nhân thân xấu ngày 27/2/2014 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Trước giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo D xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới đó là bị cáo bị bệnh hiểm nghèo (HIV), bị cáo còn có đơn đề nghị được UBND xã D xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, vợ chồng ly hôn. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh là có căn cứ, tuy nhiên về hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1, 2 điều 46 BLHS 1999 và tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 điều 51 BLHS. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

2. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Kh:

Bị cáo Kh là người tích cực, gọi điện nhờ D giải quyết mâu thuẫn, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp chỉ chỗ, bàn vào gập là chém ngay, cầm hung khí chạy vào, do đó bị cáo giữ vai trò đầu vụ cùng với bị cáo D.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đầu thú do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

3. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy B:

Bị cáo B là người tham gia tích cực, trực tiếp dùng hung khí gây thương tích cho anh T và anh Nguyễn T do đó bị cáo có vai trò xếp sau các bị cáo D, Kh.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo B khi phạm tội là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi). Trước giai đoạn chuẩn bị xét xử Ph thẩm bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới đó là: Bị cáo có đơn và được UBND xã X.V, Thọ Xuân xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có công ăn việc làm, bị bạn bè lôi kéo, rủ rê nên nhất thời phạm tội do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên về hình phạt có phần nghiêm khắc do bị cáo tuổi đời còn trẻ, là vị thành niên nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

4. Xét kháng cáo bị cáo Chu Đình H.

Bị cáo H là người cầm tuýp sắt chạy theo D, Kh, B do đó bị cáo có vai trò sau các bị cáo D, Kh, B. Bị cáo không gây thương tích cho bị hại nên vai trò đồng phạm của bị cáo có hạn chế.

Bị cáo chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, có các tình tiết giảm nhẹ: bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt.

Trước giai đoạn chuẩn bị xét xử Ph thẩm, bị cáo H nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn, hối cải và tự nhận thấy hành vi của mình là đồng phạm tội Cố ý gây thương tích, ngoài ra bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ ốm đau phải điều trị dài ngày tại bệnh viện ở Hà Nội (được Công an xã X.V xác nhận). Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh là có căn cứ, tuy nhiên về hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS 1999 và tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

5. Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Ngọc T:

Bị cáo T là người cầm tuýp sắt chạy theo D, Kh, B do đó bị cáo có vai trò ngang bị cáo H và xếp sau các bị cáo D, Kh, B.

Bị cáo chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, có các tình tiết giảm nhẹ: bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt.

Ngoài ra, trong thời gian tại ngoại chờ xét xử Ph thẩm, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử bị cáo T về tội danh trộm cắp tài sản, mức hình phạt 18 tháng tù giam.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

6. Xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn Ph:

Căn cứ lời khai của các bị cáo Đỗ Ngọc T, Chu Đình H, Nguyễn Hữu T, các bản tự khai của Trịnh Văn Ph, lời khai của các nhân chứng, căn cứ vào hiện trường vụ án, kết quả thực nghiệm điều tra, kết luận giám định tổn hại sức khỏe của các anh Nguyễn Văn T, Lê Mạnh Ph, Nguyễn T; lời khai của nhân chứng, lời khai của các bị cáo khác, đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Kh, D, B là những người trực tiếp dùng hung khí gây thương tích; bị cáo Ph là người biết rõ việc đi

đánh nhau (bị cáo ở nhóm Thọ Xuân xuống), quá trình diễn biến dẫn đến đánh nhau bị cáo biết rõ vì từ khi giải quyết mâu thuẫn cho đến lúc gây thương tích là khoảng thời gian dài, các đối tượng ở nhóm Thọ Xuân xuống Thiệu Hóa không biết ai, được nhóm Thiệu Hóa dẫn đường, chuẩn bị hung khí. Và khi xảy ra vụ án chính bị cáo thừa nhận chạy theo để hỗ trợ về mặt tinh thần cho cả nhóm do đó việc bị cáo là đồng phạm trong vụ án gây thương tích là có căn cứ. Như vậy bị cáo Ph bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt với vai trò là đồng phạm đối với các bị cáo khác trong vụ án “cố ý gây thương tích” là có căn cứ không oan. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

Từ những nội dung và tình tiết đã phân tích, đề nghị HĐXX:

- Căn cứ Điều 356 BLTTHS 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Kh, Đỗ Ngọc T, Trịnh Văn Ph. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn D, Chu Đình H, Nguyễn Duy B đề nghị giảm cho bị cáo D, H từ 03 đến 06 tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 điều 104 BLHS 1999.

- Các QĐ khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục kháng cáo*: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo nên được xem xét theo thủ tục Ph thẩm.

[2]. *Xét nội dung kháng cáo*: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Vào khoảng 19 giờ ngày 11/11/2017, Lê Văn D, Phạm Văn Kh, Nguyễn Duy B dùng hung khí là dao, kiếm trực tiếp gây thương tích cho anh Lê Mạnh Ph, Nguyễn Văn T, Nguyễn T tại cửa hàng anh Lê Mạnh Ph ở thôn 1, xã Thiệu Vận, huyện Thiệu Hóa. Các bị cáo Chu Đình H, Đỗ Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Lê Hữu T, Trịnh Văn Ph, Nguyễn Tất Kh, Trịnh Văn T, Hoàng Văn Tr, Nguyễn Văn Ph, Lê Khả M, Phạm Ngọc V đi theo giúp sức về vật chất, tinh thần để gây thương tích cho các bị hại. Theo kết quả giám định tại bản kết luận số 531/2018/TTPY ngày 06/12/2017 của trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận vết thương của Nguyễn Văn T: vết thương phần mềm mặt sau cánh tay phải có tỷ lệ tổn thương 8% và vết thương phần mềm ngang thắt lưng tỷ lệ tổn thương 8%, tổng 16% tổn hại sức khỏe; Kết quả giám định số 543/2017/TTPY ngày 11/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận vết của Nguyễn T: Thương tích ở ngón II, III, IV bàn tay trái là 16% và thương tích ở bả vai trái là 13%, tổng tổn hại sức khỏe 29%; Kết quả giám định số 556/2017/TTPY ngày 20/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh kết luận tỷ lệ

thương tích của Lê Mạnh Ph: Thương tích vùng vai trái là 8% và thương tích ở vùng mặt trước 1/3 dưới cằm phải 13%, tổng tổn hại sức khỏe là 21%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được luật pháp bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 với mức hình phạt của từng bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

- Tại giai đoạn Phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trịnh Văn Ph không thừa nhận hành vi phạm tội, xét thấy:

Các bị cáo có Ch một tình tiết giảm nhẹ mới là: Người bị hại Lê Mạnh Ph có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

1. Đối với Phạm Văn Kh: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá, ngày 20/10/2018 Cơ quan CSĐT – CA huyện Đông Sơn xác nhận và đề nghị xem xét đối với bị cáo đã có công giúp cơ quan điều tra vào tháng 9/2018 cung cấp thông tin về hành vi “Chứa mại dâm, môi giới mại dâm” xảy ra vào ngày 13/9/2018 tại Đội 4, xã Đông anh, huyện Đông Sơn, vụ án đã được khởi tố. Gia đình có công với cách mạng, bố được NN tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; mẹ được NN tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Tuy nhiên hành vi của bị cáo Kh là người có vai trò tích cực, chuẩn bị công cụ phạm tội và rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp dùng dao chém gây thương tích cho người bị hại. Mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1, 2 Điều 51 BLHS nhưng mức án mà cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đã có xem xét giảm nhẹ so mức độ, vai trò và hành vi của bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

2. Đối với Chu Đình H: Bị cáo H là người cầm tuýp sắt chạy theo D, Kh, B do đó bị cáo có vai trò sau các bị cáo D, Kh, B. Bị cáo không gây thương tích cho bị hại nên giữ vai trò đồng phạm trong vụ án.

Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, có các tình tiết giảm nhẹ: bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS là có căn cứ.

Tại giai đoạn Ph thẩm, bị cáo H nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận là đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” như cấp sơ thẩm xét xử là đúng. Xét vai trò của bị cáo H tham gia với vai trò giúp sức, không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại, bố mẹ ly hôn từ nhỏ sống không có sự chăm sóc của gia đình, vợ thường xuyên ốm đau phải điều trị dài ngày tại bệnh viện ở Hà Nội (được Công an xã X.V xác nhận). Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS 1999 và tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt là phù hợp.

3. Đối với Lê Văn D: Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân xấu ngày 27/2/2014 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội. Do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS khi xem xét quyết định hình phạt là có căn cứ.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử Ph thẩm, bị cáo D xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới đó là bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo (HIV), có đơn đề nghị được UBND xã D xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ già yếu, vợ ly hôn, hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng bác ruột Lê Văn Vưa là Liệt sỹ. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh là có căn cứ, tuy nhiên do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS 1999 và tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 điều 51 BLHS. Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt là phù hợp.

4. Đối với Nguyễn Duy B: Bản thân khi phạm tội mới 16 tuổi 2 tháng, nhân thân chưa tiền án tiền sự, có 2 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS nên xử mức án 22 tháng tù giam là nghiêm khắc. Trước giai đoạn chuẩn bị xét xử Ph thẩm bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới đó là: Bị cáo có đơn và được UBND xã X.V, Thọ Xuân xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có công ăn việc làm, bị bạn bè lôi kéo, rủ rê nên nhất thời phạm tội do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Mặc dù bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới và tuổi đời còn trẻ, là người chưa thành niên nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế. Nhưng do hành vi phạm tội là rất quyết liệt, là người trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nên chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng vẫn phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

5. Đối với Đỗ Ngọc T: Bị cáo T là người cầm tuýp sắt chạy theo D, Kh, B do đó bị cáo có vai trò ngang bị cáo H và xếp sau các bị cáo D, Kh, B. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS 1999, có các tình tiết giảm nhẹ: bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 khoản 2 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo 27 tháng tù là phù hợp.

Ngoài ra, trong thời gian tại ngoại chờ xét xử Ph thẩm, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử bị cáo T về tội danh trộm cắp tài sản, mức hình phạt 18 tháng tù giam.

Trên cơ sở xem xét đánh giá nội dung, tính chất, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo

6. Đối với Trịnh Văn Ph: Bị cáo không thừa nhận hành vi gây thương tích cho người bị hại nên cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là oan sai, xét thấy:

- Lời khai của Đỗ Ngọc T: T, H, T béo cầm tuýp sắt chạy thấy Ph và T gây không biết có cầm vật gì không chạy theo vào quán, thấy Ph chạy ra lấy áo che mặt.

- Lời khai của Chu Đình H: Kh đứng bên đường vẫy xe ô tô chúng tôi dừng lại, sau đó cả 2 xe dừng lại, chúng tôi xuống xe thì tôi nghe Kh nói hấn đang trong đây này. D bảo T béo mở hộ anh cốp xe..... Kh, D, B chạy lại xe mỗi người rút dao tự chế...Lúc này tôi biết là Kh nhờ chúng tôi sang Ba Chè là để đánh nhau. Sau khi rút dao thì D, Kh, B chạy vào 01 quán gần đó, tôi thấy T cầm tuýp sắt, T béo cầm tuýp sắt, T đưa cho tôi 01 tuýp sắt, không nhìn thấy T gây, Khoa, Ph cầm gì. Trong số chúng tôi có 01 người nói ta thử đi lên xem thế nào (ý là chỗ anh D, Kh, B xem thế nào). Sau đó chúng tôi đi vào quán mà Kh, D, B đã chạy vào trước đó để hỗ trợ hoặc phòng vệ nếu có ai đánh mình.

- Lời khai của Nguyễn Hữu T: D bảo T béo mở cốp xe lấy dao, tuýp sắt, anh Kh, anh D mỗi người cầm một con dao hay kiếm gì đó. H, T béo, T cầm tuýp sắt chạy theo anh D và Kh chạy vào trong quán có máy bắn cá. Thấy anh em đi đánh nhau thì tôi, Ph, Khoa cũng chạy theo để hỗ trợ, giúp sức cho anh D và mọi người.

- Lời khai của Trịnh Văn Ph: Bản tự khai 10h30 ngày 05/4/2018 (BL 442): Tôi biết đánh nhau từ khi mọi người cầm dao, tuýp sắt vào bên trái đường, biết đánh nhau và tôi vẫn chạy theo vì tôi thấy cả nhóm đang chạy thì tôi chạy theo để hỗ trợ mọi người. Bản hỏi cung ngày 5/4/2018: Tôi biết đánh nhau từ khi mọi người cầm dao, tuýp sắt chạy vào quán bên tai trái đường, biết đánh nhau mà tôi không dừng lại mà vẫn chạy theo là nhóm của tôi đi đông tôi chạy vào tuy không đánh ai nhưng mục đích là hỗ trợ cho mọi người đánh nhau. Tôi nhận thấy hành vi của tôi là vi phạm pháp luật. Bản tự khai 02/5/2018 tại VKSND huyện Thiệu Hóa: Mục đích chạy theo của tôi lúc đó thì tôi cũng hơi hoảng hốt thì tôi cũng chạy theo nhưng tôi cũng không cầm dao hay tuýp để đánh nhau, tôi chỉ chạy theo hỗ trợ mặt tinh thần.

Căn cứ lời khai của các bị cáo Đỗ Ngọc T, Chu Đình H, Nguyễn Hữu T, các bản tự khai của Trịnh Văn Ph, lời khai của các nhân chứng, căn cứ vào hiện trường vụ án, kết quả thực nghiệm điều tra, kết luận giám định tổn hại sức khỏe của các anh Nguyễn Văn T, Lê Mạnh Ph, Nguyễn T; lời khai của nhân chứng, lời khai của các bị cáo khác, đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Kh, D, B là những

người trực tiếp dùng hung khí gây thương tích; bị cáo Ph là người biết rõ việc đi đánh nhau (bị cáo ở nhóm Thọ Xuân xuống), quá trình diễn biến dẫn đến đánh nhau bị cáo biết rõ vì từ khi giải quyết mâu thuẫn cho đến lúc gây thương tích là khoảng thời gian dài, các đối tượng ở nhóm Thọ Xuân xuống Thiệu Hóa không biết ai, được nhóm Thiệu Hóa dẫn đường, chuẩn bị hung khí. Và khi xảy ra vụ án chính bị cáo thừa nhận chạy theo để hỗ trợ về mặt tinh thần cho cả nhóm do đó việc bị cáo là đồng phạm trong vụ án gây thương tích là có căn cứ.

Mặc dù bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho các bị hại nhưng bị cáo biết và đồng ý đi tham gia với các bị cáo khác, giúp sức tạo về mặt vật chất và tinh thần để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm trong vụ án như cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ những phân tích và căn cứ trên:

- Tại gia đoạn Phúc thẩm các bị cáo Lê Văn D, Chu Đình H và Nguyễn Duy B có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới và xét tính chất mức độ hành vi phạm tội nên được chấp nhận một phần kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt so với cấp sơ thẩm đã xét xử.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Kh, Đỗ Ngọc T và Trịnh Văn Ph, giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

- Đối với quyết định hình phạt tù của Phạm Văn Kh, bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 24/11/2017 đến ngày 30/01/2018 (68 ngày), cấp sơ thẩm xử phạt 30 tháng tù, được trừ 68 ngày tạm giữ, tạm giam, còn phải chấp hành 17 tháng 22 ngày tù là không chính xác. Mặc dù không có kháng cáo kháng nghị nhưng xét thấy cần phải sửa lại thời hạn còn phải chấp hành hình phạt tù của bị cáo là 27 (hai mươi B) tháng 22 (hai mươi hai) ngày mới chính xác.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị

[4]. Án phí Phúc thẩm:

- Các bị cáo Lê Văn D, Chu Đình H và Nguyễn Duy B không phải chịu án phí Phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận một phần để cải sửa án sơ thẩm.

- Các bị cáo: Phạm Văn Kh, Đỗ Ngọc T và Trịnh Văn Ph phải chịu án phí Phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận để cải sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Kh, Đỗ Ngọc T và Trịnh Văn Ph. Giữ nguyên quyết định về hình phạt tù của các bị cáo theo Bản án

hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Văn D, Chu Đình H và Nguyễn Duy B. Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa về phần hình phạt tù.

- Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa về phần phải chấp hành hình phạt tù còn lại đối với Phạm Văn Kh.

*** Áp dụng:**

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 đối với bị cáo Lê Văn D.

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 74 BLHS; Điều 33, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 Nguyễn Duy B.

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999; điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn Kh

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53, Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Đỗ Ngọc T.

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b,p Khoản 1,2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53, Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Chu Đình H.

- Khoản 2 Điều 104, Điểm b Khoản 1,2 Điều 46, Điều 60, Điều 20 Điều 53 BLHS 1999 đối với bị cáo Trịnh Văn Ph.

- điểm a,b khoản 2 Điều 23 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Xử phạt:

1. Bị cáo Lê Văn D: 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi 80 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17/11/2017 đến ngày 05/02/2017). Bị cáo còn phải chấp hành 27 (hai mươi B) tháng 10 (mười) ngày tù.

2. Bị cáo Phạm Văn Kh: 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ đi 68 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 24/11/2017 đến ngày 30/01/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 27 (hai mươi B) tháng 22 ngày tù.

3. Bị cáo Nguyễn Duy B: 16 (mười sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Bị cáo Chu Đình H: 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Bị cáo Đỗ Ngọc T: 27 (hai B) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Bị cáo Trịnh Văn Ph: 24 (hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2018) tội “Cố ý gây thương tích”. Giao bị cáo Trịnh Văn Ph cho UBND xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án.

Trong thời hạn thử thách của án treo nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Án phí:** - Các bị cáo Lê Văn D, Chu Đình H và Nguyễn Duy B không phải chịu án phí Phúc thẩm.

- Các bị cáo: Phạm Văn Kh, Đỗ Ngọc T và Trịnh Văn Ph phải **200.000** đồng án phí Phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HĐXX

TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hà

Lê Quốc Thành

Hà Huy Hùng

